

Số: **1234**/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày **26** tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục cập nhật, bổ sung, xây dựng mới tiêu chuẩn, quy chuẩn của Bộ Giao thông vận tải năm 2021

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29/06/2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Thông tư số 21/2007/TT-BKHCN hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

Căn cứ Thông tư số 23/2007/TT-BKHCN ngày 28/9/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 747/QĐ-BGTVT ngày 23/4/2020 của Bộ Giao thông vận tải về việc thành lập Hội đồng xác định nhiệm vụ cập nhật, bổ sung, xây dựng mới tiêu chuẩn, quy chuẩn của Bộ Giao thông vận tải năm 2021;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xác định nhiệm vụ cập nhật, bổ sung, xây dựng mới tiêu chuẩn, quy chuẩn của Bộ Giao thông vận tải năm 2021;

Xét văn bản đề xuất nhiệm vụ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn năm 2021 của các đơn vị: Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đường sắt Việt Nam, Cục Hàng không Việt Nam, Cục Đăng kiểm Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải, Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, Viện Công nghệ BCVT - Học viện Công nghệ BCVT;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục nhiệm vụ cập nhật, bổ sung, xây dựng mới tiêu chuẩn, quy chuẩn và dự kiến kinh phí của Bộ Giao thông vận tải để đưa ra tuyển chọn thực hiện năm 2021 (có danh mục kèm theo).



Điều 2. Vụ Khoa học - Công nghệ có trách nhiệm thông báo và triển khai thực hiện tuyển chọn Cơ quan chủ trì nhiệm vụ cập nhật, bổ sung, xây dựng mới tiêu chuẩn, quy chuẩn của Bộ Giao thông vận tải năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Khoa học - Công nghệ, Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TCĐBVN, Cục ĐSVN, Cục HKVN, Cục ĐKVN, Cục ĐTNĐVN, Viện KHCN GTVT, Trường ĐHCN GTVT, Viện CNBCVT- Học viện CNBCVT;
- Công thông tin Bộ GTVT (để th/b);
- Lưu VT, KHCN;

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Ngọc Đông

Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng năm 2021 của Bộ GTVT
(Kèm theo Quyết định số 1234 /QĐ-BGTVT ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Bộ GTVT)



STT	Tên nhiệm vụ	Mã theo dõi	Hình thức phát hành	Thời gian (tháng)	Kinh phí dự kiến (triệu VNĐ)	Ghi chú
1.	Ứng dụng đường sắt - Hệ thống giao thông đường sắt đô thị tự động hóa - Các yêu cầu về an toàn	TC2101	TCVN	12	200	Trong đó từ Quỹ KHCN Cục ĐKVN 130 triệu
2.	Ứng dụng đường sắt - Linh kiện hệ thống treo làm từ cao su - Màng cao su của các lò xo hệ thống treo khí nén	TC2102	TCVN	12	180	Trong đó từ Quỹ KHCN Cục ĐKVN 130 triệu
3.	Hệ thống khai thác và xử lý dầu khí dưới đáy biển - Phân cấp và giám sát kỹ thuật	TC2103	TCVN	12	120	Trong đó từ Quỹ KHCN Cục ĐKVN 90 triệu
4.	Kho nổi chứa khí hóa lỏng trên biển - Phân cấp và giám sát kỹ thuật	TC2104	TCVN	12	250	Trong đó từ Quỹ KHCN Cục ĐKVN 200 triệu
5.	Sửa đổi Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa	QC2101	QCVN	12	50	Trong đó từ Quỹ KHCN Cục ĐKVN 50 triệu
6.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu sử dụng hiệu ứng bề mặt	QC2102	QCVN	12	150	Trong đó từ Quỹ KHCN Cục ĐKVN 120 triệu
7.	Sửa đổi Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và chế tạo phao neo, phao tín hiệu (Sửa đổi 1: 2021 QCVN 72: 2014/BGTVT)	QC2103	QCVN	12	110	Trong đó từ Quỹ KHCN Cục ĐKVN 80 triệu
8.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kiểm tra và đóng các tàu biển cỡ nhỏ (QCVN 03: 2021/BGTVT) (bổ sung, sửa đổi, thay thế QCVN 03: 2016/BGTVT)	QC2104	QCVN	12	120	Trong đó từ Quỹ KHCN Cục ĐKVN 90 triệu
9.	Sửa đổi, bổ sung Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng	QC2105	QCVN	12	100	Trong đó từ Quỹ KHCN Cục

	tàu biển vỏ thép (Sửa đổi 1: 2021 QCVN 21: 2020/BGTVT)					ĐKVN 70 triệu
10.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và giám sát kỹ thuật kho chứa nổi QCVN 70: 2021/BGTVT (Bổ sung sửa đổi để thay thế QCVN 70: 2014/BGTVT)	QC2106	QCVN	12	270	Trong đó từ Quỹ KHCN Cục ĐKVN 220 triệu
11.	Ứng dụng Đường sắt - Bố trí lắp đặt - Điện kéo - Các yêu cầu cụ thể đối với thiết bị cách điện bằng composite sử dụng trong hệ thống đường dây điện tiếp xúc trên cao	TC2105	TCVN	12	155	
12.	Ứng dụng Đường sắt - Hệ thống gom điện - Các yêu cầu đối với việc thẩm định các phép đo tương tác động giữa cần lấy điện và đường dây điện tiếp xúc trên cao	TC2106	TCVN	12	155	
13.	Ứng dụng Đường sắt - Lắp đặt cố định - Hệ thống lưu trữ năng lượng cố định đối với các hệ thống kéo một chiều - DC	TC2107	TCVN	12	160	
14.	Ứng dụng Đường sắt - Lắp đặt cố định - Các yêu cầu đối với việc thẩm định các công cụ mô phỏng được sử dụng để thiết kế hệ thống cung cấp điện kéo	TC2108	TCVN	12	170	
15.	Ứng dụng Đường sắt - Đầu máy toa xe - Các biện pháp bảo vệ liên quan đến các nguy hiểm về điện	TC2109	TCVN	12	160	
16.	Ứng dụng Đường sắt - Bố trí lắp đặt - Máy biến áp kéo	TC2110	TCVN	12	160	
17.	Tiêu chuẩn quốc gia về quy trình đo mức phát xạ điện từ phát sinh từ các thiết bị điện và điện tử trong môi trường đường sắt ảnh hưởng đến con người	TC2111	TCVN	12	200	
18.	Tiêu chuẩn về hệ thống liên lạc hàng không	TC2112	TCCS	12	150	

19.	Tiêu chuẩn về việc sử dụng phổ tần số vô tuyến hàng không	TC2113	TCCS	12	80	
20.	Tiêu chuẩn về tìm kiếm cứu nạn hàng không	TC2114	TCCS	12	80	
21.	Tiêu chuẩn về giao thức truyền thông giữa Trung tâm Quản lý Điều hành Giao thông và thiết bị bên đường	TC2115	TCVN	12	200	
22.	TCVN - Giao thức truyền thông dữ liệu giữa các trung tâm điều hành và giám sát giao thông trong hệ thống giao thông thông minh đường cao tốc	TC2116	TCVN	12	200	
23.	Đất xây dựng - Xác định hàm lượng hữu cơ theo hỗn hợp tón thất khi nung.	TC2117	TCVN	12	130	
24.	Nhựa đường - Phương pháp thử xác định độ hòa tan trong N-Propyl Bromide.	TC2118	TCVN	12	100	
25.	Vữa bảo vệ cáp DUL trong công trình cầu – Thi công và nghiệm thu	TC2119	TCVN	12	250	
26.	Tiêu chuẩn thiết kế hầm đường bộ, hầm đường sắt quốc gia	TC2120	TCVN	24	1000	
27.	Công trình cảng biển - Yêu cầu thiết kế - Phần 6: Đê chắn sóng	TC2121	TCVN	12	150	
28.	Công trình cảng biển - Yêu cầu thiết kế - Phần 9: Nạo vét và tôn tạo	TC2122	TCVN	12	150	
29.	Nạo vét luồng đường thủy nội địa – Yêu cầu kỹ thuật	TC2123	TCVN	12	200	
30.	Tiêu chuẩn bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa	TC2124	TCCS	12	300	
31.	Tiêu chuẩn đánh giá tác động môi trường các dự án xây dựng, duy tu, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa	TC2125	TCCS	12	0	
32.	Khảo sát phục vụ quản lý và thông báo luồng đường thủy nội địa	TC2126	TCCS	12	70	

33.	Nhũ tương nhựa đường kiềm (Emulsified Asphalt hoặc Anionic Emulsified Asphalts) - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử.	TC2127	TCVN	12	200	
34.	Tiêu chuẩn đánh giá tác động môi trường các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	TC2128	TCCS	12	0	
35.	Tiêu chuẩn đánh giá tác động môi trường cho các dự án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt	TC2129	TCCS	12	0	
36.	Tiêu chuẩn Việt Nam về Ứng dụng Đường sắt - Đường ray - Các phương pháp thử nghiệm bộ phận liên kết ray và tà vẹt	TC2130	TCVN	12	250	
37.	Tiêu chuẩn quốc gia TCVN về Hàn ray (Hàn hồ quang điện, hàn nhiệt nhôm, hàn khí ga hơi ép)	TC2131	TCVN	12	500	
38.	Tiêu chuẩn quốc gia TCVN về cấp phối đá ba lát đường sắt - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TC2132	TCVN	12	150	
39.	Phân loại đất đắp nền đường bộ	TC2133	TCVN	12	100	
40.	Ứng dụng đường sắt - Hệ thống đường ray tấm bản - Phần 1: Yêu cầu chung	TC2134	TCVN	12	200	
41.	Ứng dụng đường sắt - Hệ thống đường ray tấm bản - Phần 2: Thiết kế hệ thống, hệ thống phụ và các thành phần	TC2135	TCVN	12	250	
42.	Phương pháp xác định khối lượng riêng và độ hấp phụ nước của cốt liệu thô cho bê tông asphalt	TC2136	TCVN	12	100	
43.	Phương pháp xác định khối lượng riêng và độ hấp phụ nước của cốt liệu mịn cho bê tông asphalt	TC2137	TCVN	12	100	
44.	Thiết kế tường chống ồn đường ô tô	TC2138	TCCS	12	250	
45.	Mặt đường hỗn hợp đá vữa nhựa- Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu	TC2139	TCCS	12	200	